

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 22/07/2026

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	8.8	tám tám	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	8.0	tám chẵn	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	5.1	năm một	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	8.6	tám sáu	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	4.9	bốn chín	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	9.5	chín lăm	C26LG1	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	8.8	tám tám	C26LG1	
8	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	7.8	bảy tám	C26LG2	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	4.8	bốn tám	C26LG1	
10	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	5.5	năm rưỡi	C26LG2	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	5.5	năm rưỡi	C26LG1	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	7.5	bảy rưỡi	C26LG1	
13	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006					C26LG2	
14	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006		1	5.3	năm ba	C26LG2	
15	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006		1	8.5	tám lăm	C26LG1	
16	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005		1	8.5	tám lăm	C26LG1	
17	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006		1	6.8	sáu tám	C26LG2	
18	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	5.5	năm rưỡi	C26LG1	
19	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	7.0	bảy chẵn	C26LG1	
20	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	7.7	bảy bảy	C26LG1	
21	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	8.0	tám chẵn	C26LG2	
22	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	7.3	bảy ba	C26LG1	
23	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	8.5	tám lăm	C26LG1	
24	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		1	4.8	bốn tám	C26LG2	
25	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		1	7.1	bảy một	C26LG2	
26	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		1	7.0	bảy chẵn	C26LG1	
27	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003		1	8.8	tám tám	C26LG1	
28	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	6.1	sáu một	C26LG1	
29	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		1	5.0	năm chẵn	C26LG1	
30	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004		1	6.8	sáu tám	C26LG2	
31	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006		1	7.3	bảy ba	C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		1	6.3	Sáu ba	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 31 / 31.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 28 tháng 7 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Đỗ Vũ Bạ

TRƯỜNG
PHÒNG
VĂN BẢN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá - (04134)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 29/5/2026 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A111

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	9.9	Chín chín	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	7.5	Bảy rưỡi	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	9.3	Chín ba	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Diệu	6.3	Sáu ba	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Duyên	9.8	Chín tám	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	Dat	5.9	Năm chín	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	10	Mười	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	Han	7.5	Bảy rưỡi	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Khiem	8.9	Tám chín	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	8.0	Tám chẵn	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	Khoi	6.0	Sáu chẵn	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	Lam	10	Mười	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	Nhi	9.8	Chín tám	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	Nhut	8.5	Tám rưỡi	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	7.0	Bảy chẵn	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Thao	8.0	Tám chẵn	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Thao	9.9	Chín chín	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thuan	10	Mười	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	10	Mười	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	Truc	9.0	Chín chẵn	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	Truong	7.0	Bảy chẵn	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Tu	8.4	Tám bốn	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uyen	6.4	Sáu bốn	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	Vy	7.8	Bảy tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 00 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 16 tháng 6 năm 2026.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026.

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đỗ Văn Bạ

TRƯ
PE
V)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá - (04134)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 30/5/2026 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A15

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<i>Ctn</i>	8.8	Tám tám	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	7.5	Bảy Mươi	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>JBao</i>	8.1	Tám mốt	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>ND</i>	6.0	Sáu chẵn	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>Chue</i>	9.5	Chín mốt	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>D</i>	7.8	Bảy tám	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Gita</i>	10	Mười	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>Z</i>	5.5	Năm Năm	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Ke</i>	7.1	Bảy mốt	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Khoa</i>	8.0	Tám chẵn	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>Kh</i>	5.6	Năm sáu	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>Lam</i>	10	Mười	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>YN</i>	7.3	Bảy Ba	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	<i>Chuit</i>	7.1	Bảy mốt	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>Tan</i>	7.5	Bảy Mươi	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	6.5	Sáu mốt	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	7.0	Bảy chẵn	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>Thuan</i>	10	Mười	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>Anh</i>	10	Mười	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>Thang</i>	8.8	Tám tám	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>Tr</i>	6.0	Sáu chẵn	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>My</i>	7.3	Bảy Ba	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>Hi</i>	5.0	Năm chẵn	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>Vy</i>	7.3	Bảy ba	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 00 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đỗ Vũ Bội

TR
PI
V

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá - (04134)

Ngày thi: 29/5/2026 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		10	Mười	
2	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		8.5	Tám rưỡi	
3	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8.3	Tám ba	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		6.9	Sáu chín	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8.8	Tám tám	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6.8	Sáu tám	
7	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		5.5	Năm rưỡi	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7.3	Bảy ba	
9	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7.8	Bảy tám	
10	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7.0	Bảy chẵn	
12	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		6.8	Sáu tám	
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		5.9	Năm chín	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		10	Mười	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		10	Mười	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 01 Số bài thi: 15 / 16

Ngày 16 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Vũ Bá



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá - (04134)

Ngày thi: 30/5/2026 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		10	Mười	
2	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		8.0	Tám chẵn	
3	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8.6	Tám sáu	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		6.8	Sáu tám	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		6.8	Sáu tám	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6.5	Sáu năm	
7	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		4.8	Bốn tám	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6.6	Sáu sáu	
9	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		6.8	Sáu tám	
10	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7.8	Bảy tám	
12	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		7.0	Bảy chẵn	
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6.0	Sáu chẵn	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		10	Mười	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		9.6	Chín sáu	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 01 Số bài thi: 15 / 16

Ngày 16 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Vũ Bá

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá - (04134)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 29/5/2026 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		8.8	Tạm tạm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 16 tháng 6 năm 2026.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Sơn.

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì - MH1104253

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425301 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Vũ Bá - (04134)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 30/5/2026 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A1.5

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2	<i>Đạt</i>	8,3	Tạm b	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 Số bài thi: 01 / 01

Ngày 16 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Sen
Trần Thị Sen

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Vũ Bá
Đỗ Vũ Bá